

# ĐẶC ĐIỂM LOẠI HÌNH CỦA TIẾNG VIỆT\_\_\_\_\_

## BÀI TẬP

1. Bài tập 1, trang 58, SGK.

2. Lựa chọn nội dung dưới đây thể hiện đúng và đủ các đặc điểm loại hình của tiếng Việt :

A – Tiếng Việt là thứ tiếng đơn âm, ý nghĩa ngữ pháp thể hiện chủ yếu nhờ phương thức trật tự từ và hư từ.

B – Tiếng Việt không có trọng âm từ, âm tiết là đơn vị cơ sở, từ không biến đổi hình thái.

C – Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập với ba đặc trưng cơ bản : âm tiết là đơn vị cơ sở, từ không biến đổi hình thái, ý nghĩa ngữ pháp thể hiện chủ yếu nhờ phương thức trật tự từ và hư từ.

D – Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ chấp dính, từ không biến đổi hình thái.

3. Phân tích đặc điểm loại hình của tiếng Việt thể hiện ở những câu sau :

a) *Ruồi đậu mâm xôi, mâm xôi đậu  
Kiến bò đĩa thịt, đĩa thịt bò.*

-----  
(Câu đối)

b) *Mình về, mình có nhớ ta  
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.*

c) *Ta về, mình có nhớ ta...  
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.*

-----  
(Tố Hữu, Việt Bắc)

4. Lựa chọn hư từ thích hợp (trong số những hư từ cho dưới đây) điền vào chỗ trống trong đoạn thơ sau :

*Cuộc đời /.../ dài thế  
Năm tháng /.../ đi qua  
/.../ biển kia /.../ rộng  
Mây /.../ bay về xa.*

-----  
(Theo Xuân Quỳnh, Sóng)

(vấn, dấu, tuy, như, nhưng, và, đã)

5. Trong hai câu thơ của *Truyện Kiều* sau đây có mấy hư từ ?

*Nàng rằng : “Thôi thế thì thôi,  
Rằng không thì cũng vâng lời rằng không.”*

(*Lưu ý* : Đây là lời của Thuý Kiều. Nàng bị Sở Khanh lừa đi trốn khỏi lầu xanh của Tú Bà, nhưng giữa đường bị Tú Bà cho người bắt lại. Những thị tì khác trong nhà Tú Bà cho nàng biết đó là mẹo lừa mà Sở Khanh từng dùng đối với nhiều người. Tuy thế, Sở Khanh lại còn đóng kịch phủ nhận sự việc và quát mắng Thuý Kiều là vu vạ cho y. Trước sự việc như vậy, Thuý Kiều đã nói câu trên.)

A – 4 hư từ

C – 6 hư từ

B – 5 hư từ

D – 7 hư từ

6. Ba đặc điểm loại hình của tiếng Việt thể hiện trong câu sau đây như thế nào ? Hãy phân tích cụ thể.

– *Tôi bác trúng, bác tôi vôi.*

## GỢI Ý LÀM BÀI

1. Các từ ngữ đó đều không thay đổi hình thái (hình thức âm thanh) mặc dù chức năng ngữ pháp và ý nghĩa ngữ pháp đã thay đổi :

– *Nụ tâm xuân*<sub>1</sub> là phụ ngữ chỉ đối tượng cho động từ *hái*, đặt sau động từ này.

*Nụ tâm xuân*<sub>2</sub> là chủ ngữ cho động từ *nở*, đặt trước động từ này.

– *Bến*<sub>1</sub> là phụ ngữ chỉ đối tượng cho động từ *nhớ*, đặt sau động từ này.

*Bến*<sub>2</sub> là chủ ngữ cho động từ *đợi*, đặt trước động từ này.

– *Trẻ*<sub>1</sub> là phụ ngữ chỉ đối tượng cho động từ *yêu*, đặt sau động từ này.

*Trẻ*<sub>2</sub> là chủ ngữ cho động từ *đến*, đặt trước động từ này.

– *Già*<sub>1</sub> là phụ ngữ chỉ đối tượng cho động từ *kính*, đặt sau động từ này.

*Già*<sub>2</sub> là chủ ngữ cho động từ *để*, đặt trước động từ này.

– *Bóng*<sub>1</sub>, *bóng*<sub>2</sub>, *bóng*<sub>3</sub>, *bóng*<sub>4</sub> là phụ ngữ cho các động từ nên đều đi sau động từ.

*Bóng*<sub>5</sub>, *bóng*<sub>6</sub> là chủ ngữ nên đều đặt sau động từ.

2. Cần chọn phương án C là phương án thể hiện được đúng và đầy đủ các đặc trưng loại hình đơn lập của tiếng Việt.

**3. a) Đặc điểm loại hình của tiếng Việt thể hiện trong hai vế của câu đối :**

- Mỗi âm tiết đều có nghĩa và là một từ đơn (đặc điểm về vai trò của âm tiết).
- Từ không biến đổi hình thái : từ *đậu<sub>1</sub>* là động từ, từ *đậu<sub>2</sub>* là danh từ, nhưng không khác nhau về hình thức. Cũng thế, từ *bò<sub>1</sub>* là động từ không khác về hình thức với từ *bò<sub>2</sub>* là danh từ (đặc điểm từ không biến đổi).
- Các từ *ruồi*, *kiến* là chủ ngữ nên đặt trước các động từ vị ngữ (*đậu<sub>1</sub>*, *bò<sub>1</sub>*). Các cụm từ *mâm xôi<sub>1</sub>*, *đĩa thịt<sub>1</sub>* là phụ ngữ chỉ đối tượng nên được đặt sau các động từ vị ngữ (*đậu<sub>1</sub>*, *bò<sub>1</sub>*) (đặc điểm về vai trò của phương thức trật tự từ).
- Các cụm từ *mâm xôi<sub>1</sub>* và *mâm xôi<sub>2</sub>*, *đĩa thịt<sub>1</sub>* và *đĩa thịt<sub>2</sub>* khác nhau về chức vụ ngữ pháp và ý nghĩa ngữ pháp trong câu nhưng không khác nhau về hình thức âm thanh.

b) Trong câu thơ này có ba từ gồm hai âm tiết (*muội lăm*, *thiết tha*, *mặn nồng*), còn lại mỗi âm tiết là một từ đơn. Từ *mình<sub>1</sub>* và *mình<sub>2</sub>* đều làm chủ ngữ nên đều đặt trước các động từ vị ngữ (*về*, *nhớ*), từ *ta* làm phụ ngữ nên đặt sau động từ vị ngữ (*nhớ*).

c) Trong câu thơ thứ hai, đặc điểm loại hình của tiếng Việt thể hiện rõ ở các mặt :

- Mỗi âm tiết là một từ đơn (có nghĩa và có vai trò cấu tạo câu).
- Từ *ta<sub>1</sub>*, *ta<sub>3</sub>*, *ta<sub>4</sub>* và từ *mình* đều làm chủ ngữ nên đặt trước các động từ vị ngữ (*về*, *nhớ*), từ *ta<sub>2</sub>* làm phụ ngữ nên đặt sau động từ vị ngữ (*nhớ*).
- Từ *ta<sub>1</sub>*, *ta<sub>3</sub>*, *ta<sub>4</sub>* khác về chức năng ngữ pháp, ý nghĩa ngữ pháp với từ *ta<sub>2</sub>* nhưng không khác nhau về hình thức, chỉ khác nhau về vị trí so với động từ vị ngữ : *ta<sub>1</sub>*, *ta<sub>3</sub>*, *ta<sub>4</sub>* đặt trước động từ vị ngữ (*về*, *nhớ*), *ta<sub>2</sub>* đặt sau động từ vị ngữ (*nhớ*).

**4. Lần lượt thêm vào đoạn thơ các hư từ : *tuy*, *vẫn*, *như*, *dẫu*, *vẫn*.**

**5. Cần chú ý mấy điều :**

- Thôi Nguyễn Du, từ *rằng* có thể là động từ (nghĩa như từ *nói*), có thể là hư từ (tương đương từ *là*).
- Từ *thôi* có hai từ khác loại : là động từ (nghĩa : *ngừng*, không tiếp tục làm nữa) và là hư từ (một tình thái từ thể hiện thái độ từ chối).

Do đó, có thể thấy trong hai câu thơ của *Truyện Kiều* có bảy hư từ : *thôi<sub>1</sub>*, *thì<sub>1</sub>*, *thì<sub>2</sub>*, *không<sub>1</sub>*, *không<sub>2</sub>*, *rằng<sub>3</sub>*, *cũng*.

**6. Ba đặc điểm loại hình của tiếng Việt thể hiện cụ thể :**

– Sáu âm tiết đều có nghĩa, trong đó có hai cặp từ đồng âm khác nghĩa (*tôi<sub>1</sub>* : đại từ xưng hô ngôi thứ nhất / *tôi<sub>2</sub>* : hoạt động đổ nước vào cốc vôi để vôi hoà tan ; *bác<sub>2</sub>* : đại từ ngôi thứ hai / *bác<sub>1</sub>* : hoạt động làm chín thức ăn mặn bằng cách đun nhỏ lửa và quấy đều cho đến khi sền sệt).

– Các từ không biến đổi, ngay cả khi chúng thuộc từ loại khác nhau và có chức năng ngữ pháp khác nhau (*bác<sub>2</sub>* / *bác<sub>1</sub>* : đại từ chủ ngữ / động từ vị ngữ ; *tôi<sub>1</sub>* / *tôi<sub>2</sub>* : đại từ chủ ngữ / động từ vị ngữ).

– Trật tự từ : đại từ đi trước động từ vị ngữ, còn danh từ làm phụ ngữ thì đi sau động từ vị ngữ.